



PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 361, NĂM THỨ 29

NGÀY 1 THÁNG 8-2024



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhận Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TĨNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<u>Lễ Vu Lan năm 2024</u>	BBT	3
<u>Thiền định một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Pháp Cú: 408 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	8
<u>Thơ: Tình không</u>	Minh Đức - Triều Tâm Ảnh	8
<u>Bác sĩ Nhật giàu lòng nhân ái</u>	Theo Tuổi Trẻ	9
<u>Hư Hư Lục: Ương Quát Ma La</u>	Thích Nữ Như Thủy	11
<u>Thơ: Luống Cãi chân đồi</u>	Tuệ Sỹ	16
<u>Lễ Vu Lan và Xá tội vong nhân có phải là một ?</u>	Kh. Nhi	17
<u>Ý nghĩa Lễ Vu Lan Thắng Hội</u>	Nguyễn Bình	19
<u>Vì sao tháng 7 Âm lịch gọi là tháng cô hồn ?</u>	HB	22
<u>Phát quà từ thiên để quay TikTok 'làm màu'</u>	Trúc Nguyễn	24
<u>Những điều tâm đắc trong quá trình tu học Phật Pháp</u>	Pháp sư Tịnh Không	26

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Lễ Vu Lan

Lễ Vu lan năm nay nhằm ngày Chủ Nhật 18 tháng 8 năm 2024, rất là thuận tiện cho các chùa và quý Phật Tử.

Kinh sách Phật giáo đã ghi chép nhiều về việc cầu siêu như trong kinh Đại Bát Niết Bàn, Kinh Vu Lan... hay chuyện Đức Mục Kiền Liên cứu mẹ, v.v... Vu Lan Bồn là tiếng phiên âm từ chữ Sanscrit Ilambhana qua chữ Trung hoa là Ôlambàna (theo Từ Hải). Về sau lại phiên âm thành Vu Lan Bồn. Nghĩa chính của chữ “Vu Lan Bồn” là “Giải thoát khỏi sự khốn khổ tột cùng”

Phật tử chúng ta ai cũng biết trong Kinh Vu Lan kể rằng Đức Mục Kiền Liên khi vừa đắc lục thông, vì lòng hiếu hạnh muốn cứu cha mẹ để đền đáp ân sanh thành dưỡng dục, nên đã dùng thiên nhãn tìm mẹ khắp trong các nẻo luân hồi và đã thấy mẹ sinh vào trong đường Ngạ Quỷ, không có đồ ăn, đồ uống chỉ có da bọc xương. Ngài rất đau xót, lấy bát đựng cơm đem xuống cho mẹ, khi mẹ nhận được, tức thì Bà dùng tay trái che bát cơm và tay phải bốc cơm ăn. Nhưng cơm chưa đến trong miệng đã biến thành than; lửa nên không thể ăn được. Ngài kêu lên và khóc than thảm thiết, tức tức về bạch lên Đức Phật cảnh tượng ấy.

Phật dạy Đức Mục Kiền Liên: “Thân Mẫu Tôn giả gốc rễ tội chướng kết quả quá sâu, không phải năng lực một mình Tôn giả có thể giải cứu được. Phải nhờ uy lực của Thập phương Tăng mới được siêu thoát. Hôm nay Như Lai chỉ dạy Tôn giả cách thức cứu vớt, để cho hết thầy những kẻ khốn khổ cùng được siêu thoát.” Theo như lời Phật dạy, chúng ta thấy rõ không có một sức mạnh nào địch nổi nghiệp lực ngoại trừ uy lực của Thập phương Tăng mà thôi.

Phật dạy Đức Mục Kiền Liên: “Đại Mục Kiền Liên, Thập phương Tăng chúng lấy rằm tháng bảy làm ngày TỰ TỬ. Ngày ấy các người hãy vì tất cả cha mẹ bảy đời, cha mẹ hiện tại, những kẻ đang ở trong vòng khổ nạn, mà sắm trai soạn đủ hết mùi vị, các thứ trái, củ, thau chậu múc, rưới nước, hương dầu đèn nến, giường có đồ nằm, đem đồ ngon nhất để hiến cúng Thập phương Đại Đức Tăng chúng.” Tại sao lại cúng dường chư Tăng vào ngày Tự Tử vì ngày ấy vị Tỳ kheo được thêm một tuổi đạo nên còn gọi là ngày Thọ tuệ, sau 90 ngày an cư kiết hạ, thân tâm sẽ thanh tịnh, thiên định giải thoát có thể đạt được. Thắng Pháp Vu Lan trong ngày TỰ TỬ tức rằm tháng bảy.

Ở những nơi không có điều kiện như Kiết hạ, lễ Tự Tử, hoặc Thập Phương Tăng vân tập, thiết nghĩ Phật tử chúng ta cũng có thể phụng hành thắng pháp Vu lan bằng cách sắm sửa trai phẩm và tứ sự cúng dường để hiến cúng lên Thập Phương Chư Phật, Thánh Hiền Tăng. Lễ cúng tại nhà mình, chính yếu là thành tâm.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyên ngữ

VII. Các cấp bậc của người bồ-tát (6 bài)

Bài 44 - Các cấp bậc của người bồ-tát

Bài 45 - Kalyana-mitra hay những người bạn tâm linh

Bài 46 - Tam bảo

Bài 47 - Bốn thể loại bồ-tát

Bài 48 - Người bồ-tát không bao giờ thoái lui.

Bài 49 - Người bồ-tát dưới hình thức Pháp thân.

Bài 45

Kalyana-mitra hay những người bạn tâm linh

Chúng ta gián tiếp tương đồng với hiện thực qua các thể dạng biểu trưng cho hiện thực cao hơn với chính mình (có nghĩa là cao hơn các thể dạng mà mình trực tiếp cảm nhận được hiện thực nơi con người của mình, chẳng hạn như cảm nhận được mình chẳng khác gì với đất đá, cỏ cây, nước, lửa, khí v.v., xin xem lại bài 44). Điều đó cũng tương tự như trông thấy ánh sáng qua một tấm màn mỏng hoặc bằng vải thưa, kể cả trường hợp tấm màn đó được vén lên hoặc rơi hẳn xuống, khiến ánh sáng của hiện thực được trông thấy một cách trực tiếp, đúng thật với chính nó, không xuyên qua bất cứ một hình thức trung gian nào cả. Xuyên qua tấm màn đó [với các độ mỏng khác nhau] chúng ta trông thấy ánh sáng của hiện thực ở các mức độ khác nhau, vì vậy tấm màn đó có thể biểu trưng cho một hệ thống thứ bậc tâm linh, nhất là đối với trường hợp của những người bồ-tát ở các

cấp bậc [thăng tiến] khác nhau. Đối với chúng ta (là những người tu tập) thì thật hết sức quan trọng là phải tiếp xúc với những người ít nhất cũng phải tiến xa hơn chúng ta một chút trên phương diện tâm linh, có nghĩa là đối với họ ánh sáng của hiện thực xuyên qua con người của họ rạng rỡ hơn so với ánh sáng xuyên qua con người của chính mình.

Theo truyền thống từ xưa trong Phật giáo, các vị ấy được gọi là các người bạn tâm linh, tiếng Phạn là *kalyana-mitra* (chữ *kalyana* có nghĩa là đáng quý, khả ái, hoàn hảo, chữ *mitra* có nghĩa là một người bạn. Kinh sách Hán ngữ dịch chữ này là "Thiện tri thức". Cách dịch này không hàm chứa một ý nghĩa rõ rệt nào cả, bởi vì chữ *tri thức* (*consciousness*) - ít nhất theo cách định nghĩa ngày nay - đã được dùng không đúng chỗ, thiết nghĩ nên dùng chữ "tâm" thay vì chữ "tri thức" để tạm dịch chữ *kalyana-mitra* là "người thiện tâm". Thế nhưng ngày nay chúng ta cũng có các cách gọi khác khá quen thuộc là "bạn đạo" hay "đạo hữu", các cách gọi này tương đối gần hơn với chữ *kalyana-mitra*. Nói chung *kalyana-mitra* có nghĩa là những người cùng bước đi với nhau trên con đường đưa đến Giác ngộ. Trên con đường đó có người đi nhanh, có người chậm chạp hơn, họ dìu dắt nhau, giúp đỡ nhau. Tất cả đều là những người bồ-tát, chỉ khác nhau về sức mạnh ước vọng, khả năng chăm lo cho kẻ khác, kể cả khác nhau trước các kinh nghiệm và sự hiểu biết mà họ đã đạt

được trên những đoạn đường mà họ đã đi qua. Trên đây là cách phải hiểu về chữ kalyana-mitra. Khái niệm Kalyana-mitra là một khái niệm của Đại thừa và dường như chữ kalyana-mitra xuất hiện lần đầu tiên (?) vào thế kỷ thứ II trong kinh Mahaprajnaparamita Sutra / Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-da). Các vị ấy (tức là các kalyana-mitra hay các "người bạn tâm linh") đối với chúng ta quan trọng hơn cả Đức Phật. Dù gặp được một vị Phật đi nữa thế nhưng chưa hẳn là nhờ đó mà chúng sẽ học hỏi được gì nhiều, và cũng chưa hẳn là dịp giúp mình thực hiện được một bản chất tương tự với vị Phật ấy. Trong khi đó sẽ dễ dàng hơn cho chúng ta rút tĩa được nhiều điều bổ ích khi tiếp xúc với những người có một trình độ phát triển tâm linh chỉ cần hơn mình một chút (gặp được Trời hay một vị Phật cũng chưa hẳn là dịp giúp mình học hỏi được gì nhiều, so với một dịp nào đó bất chợt chúng ta trông thấy một người đi đường lặng lẽ ngồi xuống kéo chiếc chiếu rách đắp cho một người hành khất đang ngủ say dưới một mái hiên bên vệ đường vào một đêm mưa lạnh. Cử chỉ giản dị đó có thể khơi động lòng từ tâm ngủ yên bên trong chính mình, và biết đâu sẽ khiến mình cố gắng trở thành giống như người ấy).

Trong một tập luận giáo khoa nổi tiếng của Phật giáo Tây Tạng là Vòng bảo châu trân quý của sự Giải thoát (*The Jewel Ornament of Liberation*), nhà sư Gamposa (1079-1153) từng nêu lên quan điểm trên đây như sau :

"Khi mới bắt đầu tu tập, quả hết sức khó cho chúng ta tiếp cận với chư Phật hay chư bồ-tát sinh hoạt ở các cấp bậc tâm linh thật cao siêu. Vì vậy chúng ta chỉ nên tiếp xúc với những con người bình dị hơn với tư cách là những người bạn tâm linh (kalyana-

mitra / đạo hữu, bạn đạo). Khi nào bóng tối (sự u mê, vô minh) tạo ra bởi các hành động của mình trở nên sáng sủa hơn, thì khi đó chúng ta sẽ tiếp cận được với các vị bồ-tát ở các cấp bậc cao siêu hơn. Và khi nào vượt được hết "Con Đường Rộng lớn của Giai đoạn Chuẩn bị" thì chúng ta sẽ nhận biết được Nirmanakaya (nirmana có nghĩa là sinh ra, hóa thành hay biến hoá, kaya có nghĩa là thân thể, kinh sách Hán ngữ dịch chữ Nirmanakaya là Ứng thân hay Ứng hóa thân, tức là các hình thức biến hóa hay các thể dạng hiển hiện khác nhau của Đức Phật nhằm mục đích giúp đỡ chúng sinh thích nghi và hữu hiệu hơn). Sau cùng, khi nào chúng ta có thể sinh hoạt ở một cấp bậc tâm linh thật cao siêu, thì khi đó chúng ta sẽ có thể tiếp xúc với Sambhogakaya như là một người bạn tâm linh (Sambhogakaya hay Thọ dụng thân, là thân kết tụ tất cả các phẩm tính của một vị Phật, và chỉ có các vị bồ-tát cao thâm - vượt được hết mười địa giới của người bồ-tát - mới có thể nhận biết được thể dạng Sambhogakaya đó của một vị Phật. Ngoài ra Đức Phật còn được biểu trưng bởi một thân thứ ba là Dharmakaya / Thân Đạo Pháp, biểu trưng cho hiện thực tối hậu hay sự trống không tuyệt đối, và các sự cảm nhận siêu việt đó cũng chính là sự Giác ngộ. Khái niệm về ba thể dạng thân thể của Đức Phật trên đây gọi là Trikaya / Tam thân, và cách giải thích trên đây về khái niệm này là dựa theo quan điểm của Đại thừa, bởi vì theo Phật giáo Theravada và một học phái xưa là Sarvastivadin thì các sự giải thích có phần khác hơn đôi chút)

Nếu bạn nêu lên thắc mắc là trong số bốn vị ấy (một người bình dị hay một vị bồ-tát ở cấp bậc thấp, một vị bồ-tát ở các cấp bậc cao siêu hơn, một vị hóa thân ở thể dạng nirmanakaya, và một vị hóa thân ở thể dạng

sambhogakaya) thì vị nào sẽ mang lại lợi ích cho mình nhiều hơn cả? Câu trả lời là trong giai đoạn khi mới bắt đầu tu tập thì sự sinh hoạt của chúng ta vẫn còn bị kiềm tỏa bởi các hành động và xúc cảm của mình, vì thế chúng ta không thể trông thấy được gương mặt của bất cứ một người bạn tâm linh cao siêu nào cả. Do vậy chúng ta chỉ nên tìm cách tiếp xúc với một người bình dị hơn; họ sẽ trở cho mình trông thấy con đường cần phải bước theo, tùy theo mức độ sáng suốt trong các lời khuyên của họ, và dần dần sau đó chúng ta sẽ gặp được các vị khác cao siêu hơn. Tóm lại người mang lại lợi ích nhiều hơn cho mình chính là người bạn tâm linh (kalyana-mitra / đạo hữu, bạn đạo) ở thể dạng một con người bình dị"

Người Ấn gọi sự nối kết (*association / liên kết, hợp tác, kết hợp*) với các người bạn tâm linh là *satsangh* và gán cho sự nối kết đó một tầm quan trọng rất lớn. Chữ *satsangh* là một từ ghép tiếng Phạn: *sat* có nghĩa là tốt, đúng đắn, đích thật, thật sự, đúng thật, thánh thiện, tâm linh; chữ *sangh* có nghĩa là nối kết, đồng hành, bạn hữu, bạn đồng tu. Tóm lại *satsangh* có nghĩa là "tình bạn hữu cao quý", "sự kết hợp với một người bạn tốt" hay "sự kết hợp thánh thiện" (và đó cũng là ý nghĩa của chữ "bạn đạo" hay "đạo hữu" đối với người Phật giáo Việt Nam)

Người Ấn xem trọng ý niệm về sự *satsangh* đó (sự liên kết giữa các đạo hữu) từ nghìn xưa, chẳng qua là vì tất cả chúng ta đều cần đến sự giúp đỡ để kiến tạo một cuộc sống tâm linh. Đơn độc một mình, chúng ta sẽ không thể đi xa được. Hết tuần này sang tuần khác, hết năm này sang năm khác, nếu chúng ta không có một dịp

nào để tham gia một buổi hành thiền, hoặc tiếp xúc với một người Phật giáo nào, cũng không tìm được một quyển sách Phật giáo nào để đọc - bởi vì đọc được một quyển sách tốt cũng là một hình thức *satsangh* - hoặc rơi vào cảnh hoàn toàn đơn độc, thì chúng ta sẽ không thể nào tiến xa được, dù chúng ta có thành thật và nhiệt tâm cách mấy đi nữa. Qua sự nối kết với những người cùng chí hướng có một cuộc sống tương tự với mình, thì chúng ta tất sẽ nhận được sự khích lệ, nhiệt tình và cả sự nâng đỡ tinh thần của họ. Sự liên kết đó lại càng quý hơn nữa nếu chúng ta có thể liên kết với những người có một trình độ tâm linh chỉ cao hơn mình đôi chút, nói một cách khác đơn giản hơn là những người mang nhiều phẩm tính con người hơn đôi chút so với phần đông các người khác - có nghĩa là biết ý thức hơn một chút, khả ái hơn đôi chút, có lòng tin hơn đôi chút, v.v. (những người gần hơn với mình sẽ dễ cho mình làm bạn với họ).

Trên thực tế, điều đó có nghĩa là chúng ta phải cố gắng cởi mở hơn, tiếp nhận dễ dàng hơn đối với những ai mà mình nhận thấy hơn mình trong hệ thống thứ bậc tâm linh, hoặc có một tầm nhìn sâu sắc, nhiều hiểu biết, khả ái và từ bi hơn hẳn so với mình. Chúng ta phải sẵn sàng tiếp nhận họ, tương tự như một đóa hoa xòe cánh đón nhận ánh sáng và hơi ấm mặt trời. Đối với những người mà chúng ta cho rằng, ít nhất là theo sự xét đoán của mình - và thật ra thì mình cũng có thể lầm lẫn - là thấp hơn mình trong hệ thống thứ bậc tâm linh, thì mình phải có một cung cách hành xử cởi mở, thân thiện, nhiệt tình với tất cả sự khích lệ của mình, hầu giúp họ cảm thấy được tiếp đón một cách nồng nhiệt. v.v.. Đối với những người ngang hàng hoặc chỉ khác với mình đôi chút, thì thái độ của mình sẽ là sự

tương trợ, chia sẻ và trao đổi (*reciprocity / sự hỗ trợ*). Ba cung cách hành xử đó mật thiết liên hệ đến ba thể loại xúc cảm tích cực quan trọng trong sinh hoạt Phật giáo. Trước hết là *shraddha*, là một hình thức xúc cảm thường được gọi là "đức tin" hay sự "tin tưởng", thể nhưng đúng hơn là một hình thức sùng kính (*devotion / tôn kính, sùng đạo, mộ đạo*), một sự thụ cảm đối với ánh sáng tỏa xuống từ trên cao - nếu có thể nói như vậy. Xúc cảm thứ hai là lòng từ bi mà mình được thừa hưởng từ những người cao hơn mình trong hệ thống thứ bậc tâm linh. Xúc cảm thứ ba là tình thương yêu gọi là *metta* (*tiếng Phạn là maitri / lòng từ tâm*) mà chúng ta cùng chia sẻ với những người ngang hàng với mình.

Trong tập luận *Vòng bảo châu trân quý của sự Giải thoát* (đã được nói đến trên đây), nhà sư Gamposa có nói : Chúng ta sẽ đạt được sự Giác ngộ của một vị Phật bằng cách phục vụ một người bạn tâm linh" (*đạo hữu, bạn đạo hay kalyana-mitra*). Đó là một lời tuyên bố thật mạnh, nếu có thể nói như vậy. Lời tuyên bố đó có thể khiến nhiều người phật ý. Ngay cả chữ phục vụ (*serve*) cũng tỏ ra khá xa lạ đối với chúng ta. Hy sinh và chăm lo cho con cái mình hay cha mẹ mình lúc tuổi già thì có thể hiểu được, thế nhưng quả khó áp đặt cảm tính đó cho các trường hợp khác. Điều đó không khỏi đưa đến sự sụp đổ của ý niệm về hệ thống thứ bậc tâm linh, hoặc bất cứ một hệ thống thứ bậc nào khác cũng vậy (*chăm lo cho con cái, cha mẹ mình liên hệ sâu xa với bản năng truyền giống, phản ảnh tính cách hợp lý của một hình thức ích kỷ nào đó, nếu có thể nói như vậy, trong khi đó lòng vị tha giúp mình thương tất cả chúng sinh là một ý niệm đi ngược lại với sự ích kỷ tự nhiên*). Nếu tất cả chúng ta đều ngang hàng nhau, thì chúng ta nào có phải bắt buộc

làm một cái gì đó cho kẻ khác ? Vì vậy tại sao mình lại không làm một cái gì đó cho mình ? Tại sao chúng ta lại không làm một cái gì đó cho nhau ? Tại sao chúng ta lại không làm một cái gì đó để cùng trao đổi với nhau ? Hôm nay tôi làm cho bạn điều này, ngày mai bạn lại làm điều đó cho tôi (*dù ngang hàng thế nhưng chúng ta vẫn có thể làm được một cái gì đó để cùng trao đổi với nhau*).

Hãy tự đặt mình vào vị thế phục vụ một kẻ nào đó, dù mình biết được kẻ mà mình phục vụ hơn mình về một vài khía cạnh nào đó. Quả không mấy người làm được điều đó. Thế nhưng nếu không đủ sức chấp nhận điều đó thì thật khó tạo được cho mình sự thăng tiến tâm linh. Phục vụ những người bạn tâm linh sẽ càng giúp mình trở nên giống với họ, và sẽ càng tìm thêm được nhiều người bạn tâm linh khác để phục vụ (*tạo dịp tiếp xúc với những người bạn đạo khác ngày càng cao hơn*). Dù đã trở thành một người bồ-tát thượng thặng đi nữa, thế nhưng trong vũ trụ vẫn có vô số các vị Phật [cao hơn mình] để mình phục vụ với tất cả sự tôn kính của mình. Luôn luôn và lúc nào cũng có một con người nào đó để mình phục vụ.

Nhà sư Gamposa cũng có nói rằng chúng ta hãy nên xem một người bạn tâm linh (*đạo hữu, bạn đạo / kalyana-mitra*) như là một vị Phật. Điều đó không có nghĩa là tìm cách đẽ bẽp người bạn ấy của mình với tư cách là một con người bình dị, mà đúng hơn là cách cố gắng đối xử với người bạn ấy như là một vị Phật, tuy rằng lý trí của mình vẫn cho rằng không đúng là như vậy. Không cần phải xem tất cả những gì người bạn ấy nói hay làm là hành động của một vị Phật, điều quan trọng hơn cả là dù người bạn tâm linh ấy của mình vẫn còn rất

xa với một vị Phật, thế nhưng chỉ cần người ấy hơn mình đôi chút nào đó thì cũng đủ. Điều đó cũng tương tự như sau lưng người bạn tâm linh ấy ẩn nấp vị thầy của chính mình, và phía sau vị thầy ấy lại là một vị thầy khác, và cứ tiếp tục như thế cho đến một lúc nào đó thì phía sau tất cả các vị thầy ấy là Đức Phật. Đây là cách Đức Phật tỏa sáng - nếu có thể nói như vậy, xuyên qua tất cả các vị đó với một sự trong suốt ở các cấp bậc khác nhau. Ít nhất những gì trên đây cũng là một cách diễn đạt lời khuyên bảo của nhà sư Gamposa. Gamposa là một vị sư tu tập theo truyền thống Tan-tra (Kim cương thừa) và là một vị thầy tâm linh (*guru / pháp sư*) thuộc học phái Kagyu (Ca Nhĩ Cư) của Tây Tạng, và cũng là đệ tử thân cận của vị đại sư trong học phái này là Milarepa (*Mật-lặc Nhật-ba 1052-1135*, và *Gamposa là một trong số các đệ tử thân cận nhất của vị đại sư này và chính ông đã đứng ra thành lập dòng truyền thừa Dagpo Kagyu mà vị tổ là Milarepa*) khuyên chúng ta nên hiểu một cách từ chương lời khuyên bảo đó của mình (*có nghĩa là hãy nhìn xuyên qua tất cả các vị thầy của mình để trông thấy Đức Phật phía sau lưng họ*).

Bures-Sur-Yvette, 23.08.21

Hoang Phong chuyển ngữ



Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

408

*Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.*



Tình không

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

*Trần gian
Trăm việc tạm quên
Thơ đề góc núi
Đầy hiên nắng vàng
Gió trắng
Thế sự không bàn
Giác thiền lặng lẽ
Nhẹ nhàng tình không!*

Bác Sĩ Nhật giàu lòng nhân ái

Theo: Tuổi Trẻ



Chuyến đi tương 3 tháng của bác sĩ Hattori Tadashi vào năm 2002 rút cuộc kéo dài đến 20 năm, lấy đi của ông không ít thứ nhưng đem lại ánh sáng cho gần 20.000 người. Ông không lấy bất cứ tiền công nào, thậm chí còn bỏ tiền túi cho người bệnh.

Chiều tối 26-10, trong khuôn viên Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, một nhóm khoảng 20 người cả Việt Nam lẫn Nhật Bản đang đứng quanh một người đàn ông da ngăm, gương mặt và mái tóc đã nhuốm màu thời gian.

Ông là giáo sư, bác sĩ Hattori Tadashi, một trong bốn người vừa nhận được Giải thưởng Ramon Magsaysay 2022, thường được gọi là "Giải Nobel của châu Á" do Quỹ Rockefeller Brothers tài trợ.

Họ vinh danh vị bác sĩ Nhật Bản vì đã tham gia phẫu thuật và điều trị cho khoảng 20.000 bệnh nhân có nguy cơ mù lòa tại Việt Nam kể từ năm 2002. Không chỉ không nhận tiền công, bác sĩ Hattori còn tự bỏ tiền túi để chi trả cho các bệnh nhân khó khăn tiền bạc và hỗ trợ một số bệnh viện Việt Nam các trang thiết bị y tế về nhãn khoa.

Bỏ việc lương cao, dành tiền mua nhà cho bệnh nhân Việt Nam

Bác sĩ Hattori vẫn nhớ như in cơ duyên đưa ông đến Việt Nam: tháng 10-2001, Trường đại học Y khoa Kyoto, nơi ông từng theo học, tổ chức một hội nghị. Tại đây ông đã gặp một bác sĩ Việt Nam, người đã đề nghị ông đến Việt Nam phẫu thuật mắt giúp các bệnh nhân khó khăn và hướng dẫn, chia sẻ

kinh nghiệm với các bác sĩ địa phương.

Sau nửa năm suy nghĩ, bác sĩ Hattori quyết định xin nghỉ việc tại một bệnh viện lương cao và lên đường sang Việt Nam với tâm thế chỉ đi tình nguyện trong ba tháng, từ tháng 4 -2002 đến hết tháng 6 cùng năm.

Nhưng những gì ông chứng kiến ở Việt Nam đã níu chân vị bác sĩ.

"Tôi đã rất bất ngờ khi thấy nhiều bệnh nhân đã mất đi một mắt từ lâu, chỉ khi mắt còn lại bị bong vông mạc hay gì đó khiến họ không nhìn thấy gì mới đến bệnh viện khám. Có trường hợp nếu không phẫu thuật thì không thể cứu được nhưng bệnh nhân cứ nhất quyết về nhà vì không có tiền phẫu thuật.

Tôi thực sự rất đau lòng khi đối mặt với thực tế không thể cứu được bệnh nhân trong khi bản thân mình có thể làm được chỉ vì thiếu vật tư và thiết bị phẫu thuật", bác sĩ Hattori chia sẻ tại buổi tiệc nhỏ ở Đại sứ quán Nhật tối 26-10.

Trở về Nhật Bản, bác sĩ Hattori vẫn đau đầu với những gì đã thấy ở Việt Nam. Ông tìm đến một công ty bán thiết bị y tế quen biết nhưng bị khước từ vì ông đã xin nghỉ việc ở bệnh viện nổi tiếng.

Thất bại với người ngoài, bác sĩ Hattori bắt đầu chuyển sang người trong nhà chính là vợ mình, người đã phản đối ông tham gia chuyến đi tình nguyện đến Việt Nam. Không nghĩ gì nhiều đến bản thân, ông đề nghị vợ sử dụng số tiền mấy triệu yen mà cả hai đã tích góp để mua căn hộ chung cư cho các bệnh nhân Việt Nam.

"Tôi bảo với vợ: Anh có thể sống trong một căn nhà thuê cũng được, nhưng nếu không

được phẫu thuật ngay, bệnh nhân có thể sẽ bị mù. Nếu dùng số tiền này mua kính nội soi mắt và dụng cụ y tế mới nhất thì một năm cũng có thể cứu được hơn 2.000 người, làm được cả những ca phẫu thuật khó. Vì vậy hãy cho phép anh sử dụng số tiền ấy", bác sĩ Hattori kể lại.

Lần thứ hai quay trở lại Việt Nam, đi cùng với bác sĩ Hattori là những thiết bị, vật tư y tế mà nhờ đó số người được phẫu thuật đã tăng lên nhanh chóng.

"Chạy show" tại Nhật vì Việt Nam

Nhưng tiền tích lũy rồi cũng cạn dần. Để tiếp tục theo đuổi mục tiêu giúp đỡ bệnh nhân khó khăn ở Việt Nam, bác sĩ Hattori bắt đầu di chuyển như con thoi giữa Nhật Bản và Việt Nam.

Cứ sau hai tuần ở Việt Nam, ông lại trở về Nhật Bản làm việc cật lực để tích góp tiền mua nhà chung cư và dành các khoản còn lại để mua trang thiết bị y tế phẫu thuật giúp bệnh nhân ở Việt Nam.

Trong một bộ phim tài liệu ngắn do Nhật Bản sản xuất, Hattori hành nghề với tư cách là một bác sĩ tự do - tức không thuộc về một bệnh viện nào. Trong hai tuần ở Nhật Bản, ông liên tục "chạy show" để thực hiện các ca phẫu thuật ở các bệnh viện thuộc nhiều tỉnh.

Những hộp cơm bento trong cửa hàng tiện lợi và qua đêm trên xe lửa trở nên quen thuộc với ông. "Hồi nhỏ tôi thích xe lửa lắm. Lúc còn học tiểu học tôi còn ước sau này sẽ trở thành người lái xe lửa nữa", vị bác sĩ nhớ lại.

Sau một lần cùng đồng nghiệp Việt Nam xuống vùng nông thôn khám mắt cho người

dân, bác sĩ Hattori quyết định dành những ngày cuối tuần dậy thật sớm đến các vùng xa xôi hẻo lánh để khám, phẫu thuật và điều trị cho những người bị đục thủy tinh thể nhưng thiếu tiền.

Nhờ sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương, những người cần phẫu thuật được tập hợp đầy đủ và sớm nhìn thấy lại ánh sáng nhờ bàn tay của bác sĩ Hattori mà không phải tốn bất kỳ chi phí nào.

Số lượng bác sĩ tham gia hoạt động thiện nguyện này dần tăng lên và hiện có năm bác sĩ cùng một số nhân viên cơ yếu khác. Hoạt động của nhóm dần nhận được sự chú ý, mở đường cho sự hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

"Các ca phẫu thuật do học trò của tôi thực hiện đã vượt xa mốc 100.000 người. Tôi tin bằng cách đào tạo một người, nhiều người khác sẽ được giúp đỡ. Tôi mong học trò phải là người giỏi hơn mình nên đã hết lòng hướng dẫn các bác sĩ trẻ.

Đôi khi có xảy ra tranh cãi nhưng vì là đất khách nên tôi thường nhường nhịn. Từ bỏ niềm kiêu hãnh của mình mà mọi việc được suôn sẻ thì cũng không sao. Các học trò của tôi phải cam kết truyền thụ lại những gì đã được học cho thế hệ sau", bác sĩ Hattori kết thúc câu chuyện trong tiếng vỗ tay tán phục của những người có mặt tại Đại sứ quán Nhật tối 26-10.

Theo: Tuổi Trẻ

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Ương Quật Ma La

Ương Quật Ma La là tên mà dân chúng Kiều Tất La đặt cho Ahimsaka từ khi chàng bắt đầu chuỗi ngày tàn bạo giết người, chặt lấy ngón tay và đeo lên cổ như một vòng hoa (Tên Ahimsaka do cha chàng đặt có nghĩa là “Người vô tội”)

Ahimsaka nguyên là một thanh niên khôi ngô anh kiệt của vương quốc Kiều Tất La (Kosala). Chàng được sinh ra từ một vọng tộc Bà La Môn. Cha chàng làm quan quốc sư cho vua Ba Tư Nặc.

Được gởi đến Hoa Thị Thành (Taxila) từ thuở bé, Ahimkasa chỉ thụ giáo với danh sư Mani, và trở thành một sinh viên lỗi lạc. Tài năng và đức hạnh của Ahimsaka chỉ chiếm được lòng tin yêu của sư phụ chàng nhưng lại chuốc lấy nhiều sự ganh tỵ ghét ghen của bạn đồng môn. Đê lung lạc ông thầy, các bạn đồng môn của Ahimsaka phao tin rằng chàng có tình ý với cô vợ của Mani. Trước những tin đồn bất chánh ấy, danh sư Mani đều tỏ ra dửng dưng không chút xao xuyên, nhưng bà vợ trẻ của anh lại xúc động vì ngỡ rằng chàng trai trẻ thầm yêu mình thật. Thấy chàng khôi ngô tuấn tú, bà tìm cách lân la dò ý, và chẳng bao lâu bà trở nên say mê Ahimsaka một cách điên cuồng.

Một hôm thừa lúc vắng người, bà cho gọi Ahimsaka đến và ngỏ hết nỗi lòng. Bị chàng trai thẳng thắn cự tuyệt, bà Mani xấu hổ đến cùng cực và bèn rắp tâm mưu hại chàng cho

bỏ ghét.

Khi nghe chính miệng vợ mình thuật lại hành vi đê tiện của tên đê tử thân tín. Mani phùng phùng nổi giận. Nhưng vốn là một tay đa mưu nham hiểm, ông không lộ vẻ bất bình ra mặt chỉ mời Ahimsaka đến, tỏ lời thân ái rồi bí mật bảo:

- Này Ahimsaka! Con theo thầy học đạo đã khá lâu. Lòng cương trực và ý chí cầu tiến của con khiến thầy rất đẹp lòng. Vì vậy thầy nhất định chọn con làm người kế thừa tông môn ta.

Trước thâm tình của sư phụ, Ahimsaka bồi hồi xúc động, chàng kính cẩn thốt lời tạ ân, thì Mani đã tiếp:

- Môn phái của ta có một bí pháp vô cùng tuyệt diệu. Bí pháp này chỉ được truyền trao cho những căn cơ siêu việt. Trước khi thụ huấn bí pháp này con phải tuyệt đối thanh tịnh vô nhiễm. Những ác nghiệp quá khứ của con phải được rửa sạch bằng máu người thay vì máu cừu dê như bọn phạm phu tục tử. Vậy bây giờ ta trao cho con thanh gươm thừa kế này, con phải lập tức khởi hành đi đến rừng Jalam để khởi đầu cuộc sám hối, con chỉ trở về đây gặp ta khi đã giết xong một nghìn người không hơn không kém.

Ahimsaka sững sờ, chàng không muốn tin rằng những lời vừa nghe lại được thốt ra từ miệng của con người khả kính thánh thiện mà chàng đã hết dạ kính yêu. Thấy chàng trai do dự, Mani liền đem hết tài hùng biện ra thuyết phục. Cuối cùng Ahimsaka đành phải vâng lời, gắng gượng ra đi mà lòng hoang mang khôn tả.

Khi vừa hạ sát xong nạn nhân đầu tiên,

Ahimsaka kinh hoàng đến điên dại. Từ đó gặp ai chàng cũng vung gươm chém liên, bất kể nam nữ, già trẻ thân sơ. Tiếng than khóc của các gia đình nạn nhân vang đến tai vua quan, nhưng tất cả đều bất lực, bó tay trước tài nghệ vô song của Ahimsaka. Dân chúng run sợ gọi chàng là vô não - tức là người mất trí.

Vô não chặt lấy ngón tay út của nạn nhân suu tập thành một chuỗi dài treo lòng thòng trên cây, về sau sợ quạ điều tha mất bộ suu tập độc đáo ấy, chàng lại đeo vào cổ giữ khư khư như một bảo vật. Dân chúng lại đổi tên chàng thành Angulimala, có nghĩa là “chuỗi ngón tay.”

Câu chuyện về Angulimala đến tai Phật, nên một hôm trên đường du hóa, đấng đạo sư cố ý chọn con đường xuyên qua rừng Jalini, nơi tên hung thủ khát máu đang hùng cứ, bất chấp những lời can ngăn của cư dân vùng lân cận.

Trong các kinh sách còn ghi lại rằng: Đức đạo sư xuất hiện lúc chàng Angulimala vừa giết xong nạn nhân thứ 999. Thấy bóng ngài Angulimala vô cùng mừng rỡ, nghĩ rằng đây là một cơ hội tốt để chàng hoàn tất sứ mạng mà tôn sư chàng đã giao phó. Angulimala rảo bước đuổi theo Phật, chiếc gươm đâm máu cầm sẵn nơi tay, đức đạo sư dùng thần thông khiến Angulimala không tài nào đuổi kịp ngài, dù y đã thi triển hết tài nghệ. Cuối cùng Angulimala đành dừng chân cất tiếng gọi:

- Đứng lại! Đứng lại! Bớ sa môn!

Đấng đạo sư bình thản đáp:

- Này Angulimala! Dù Như Lai đang đi Như

Lai đã dừng bước. Còn con, con đã dừng bước hay chưa?

Angulimala ngạc nhiên trầm nghĩ:

- Hàng sa môn đầu trọc này không bao giờ nói láo. Vậy mà ông sư này ông lại nói là ông đã dừng chân, còn ta thì đang đi. Thế nghĩa là sao?

Angulimala liền hỏi:

- Nay sa môn! Ông đang đi chính tôi mới là người dừng chân. Sao ông lại nói năng tương phản thế, ông muốn nói gì?

- Đúng vậy, này thanh niên! Như Lai đã dừng chân và dừng chân mãi mãi. Như Lai đã khước từ, vứt bỏ không còn hành hung hay gây thương tổn cho một sinh vật nào. Còn con, bàn tay đang đâm máu của đồng loại. Sao con lại đem sự đau khổ hãi hùng cho người khác để mưu cầu hạnh phúc cho riêng mình? Vì thế mà ta bảo rằng Như Lai đã dừng còn Angulimala thì đang tiếp tục.

Angulimala bối rối. Chàng im lặng, lặng lẽ nhìn đấng đạo sư hồi lâu. Thái độ từ ái cùng dung mạo phi phạm của ngài khiến chàng cảm thấy an tâm và lấy lại được sự bình tĩnh khi xưa: “Trước đây còn thơ ấu, ta có nghe thiên hạ đồn đãi rằng sa môn Cồ Đàm là một bậc giác ngộ. Ngài có một dung nhan sáng rõ và một giọng nói rất là từ hòa thân ái, có lẽ đây là ngài chăng?”

Angulimala bèn vứt gươm và quỳ gối trước mặt đức Phật, hỏi:

- Bạch sa môn! Ngài có phải là sa môn Cồ Đàm không? Là con của đức vua Tịnh Phạn?

- Đúng vậy, này Angulimala! Con đã vứt bỏ thanh gươm đâm máu kia, có nghĩa là con đã vứt bỏ con đường lầm lạc cũ, con có cần Như Lai giúp đỡ điều gì không?

- Bạch sa môn, đã từ lâu, con không hề quỳ lạy một ai, mà ngược lại ai thấy con cũng run rẩy quỳ mọp van xin được tha mạng. Con đường này không ai dám lai vãng một mình, mà thiên hạ thường rủ nhau đi từng đoàn hàng trăm người. Bạch sa môn! Con đã từng nghe rằng có những sinh vật bị khắc phục bằng võ lực, bằng cù móc hay roi vọt. Nhưng con, một con thú hoang đang cuồng dại, lại được chế ngự bởi một người không gươm dao hay roi vọt.

- Bạch sa môn! Hình bóng từ ái của người đã khiến con muốn trở về với con đường thuần lương sống yêu thương và giúp đỡ đồng loại như những ngày xa xưa, lúc con chưa điên loạn... Nhưng ai, ai có thể cho phép chở che và giúp đỡ một con người như con - người đã giết chết nghìn nhân mạng?

- Này thanh niên, trên thế gian này có hai hạng người được xem là thanh tịnh: hạng thứ nhất là người không hề gây tội lỗi, hạng thứ hai là kẻ gây tội nhưng biết ăn năn và không bao giờ tái phạm. Nếu lòng con tha thiết muốn hoàn lương Như Lai sẽ giúp con toại nguyện.

- Bạch sa môn, con không dám nghi ngờ gì về lòng từ bi bao la của ngài đối với con. Nhưng con đã gây tạo một ác nghiệp mà có lẽ không một ai trên thế gian này dám làm. Làm sao con có thể ước mơ làm đệ tử của sa môn Cồ Đàm, một người mà suốt đời chưa hề làm xúc não bất cứ ai?

- Này thanh niên! Ví như có một gian phòng tắm tối suốt cả nghìn năm dài. Nếu muốn thấp sáng cho nó, con cần phải đốt bao nhiêu ngọn đèn và mất bao nhiêu lâu để đẹp cho nó thơm tất?

- Bạch sa môn, bóng tối dù đã ngự trị căn phòng suốt nghìn năm nhưng chỉ cần mỗi một ngọn đèn được thắp lên thì bóng tối sẽ tan ngay, và thời gian để dọn dẹp căn phòng thì tùy thuộc vào khả năng siêng hay nhác của từng người.

- Cũng vậy, này thanh niên dù con đã sát hại cả nghìn đồng loại, nhưng nếu con thành tâm cải hối, thắp lên ngọn đèn bằng ánh sáng trí huệ của con thì bóng tối ác nghiệp u mê sẽ tan biến ngay. Con vẫn có cơ hội ngộ đạo như bao nhiêu người khác. Đó là điều mà Như Lai xác quyết với con.

Và trưa hôm ấy đức Thế Tôn đi khát thực về với Angulimala làm thị giả, chàng đã vứt bỏ chuồn ngón tay, xuất gia làm tỳ kheo. Nhưng các bạn đồng phạm hạnh vẫn theo cư dân gọi chàng là huynh Angulimala.

Một hôm vua Ba Tư Nặc, vua nước Kiền tát lai đến yết kiến Phật. Thấy long nhan có vẻ u sầu, đáng đạo sư bèn thăm hỏi:

- Này đại vương! Vì sao mà mặt mũi ủ dột như thế?

- Bạch Thế Tôn, suốt mấy tháng qua con mất ngủ vì hành vi khát máu của một tên du đảng ở rừng Jalini. Dân chúng gọi nó là Angulimala vì hắn chuyên giết người để lấy ngón tay kết vòng đeo cổ. Chính quyền địa phương cùng quân triều đình mất không biết bao nhiêu công của mà vẫn chưa trừ khử được tên vô hại ấy. Ngày nào con cũng nghe báo cáo có người bị giết về tay

hắn. Chính vì vậy mà trong thời gian qua con không có thời giờ rảnh rỗi đến thăm viếng đức Thế Tôn.

- Đại vương! Nếu hiện giờ có người báo cáo với đại vương hay rằng Angulimala đang ở cách đại vương chưa đầy 50 bước thì đại vương nghĩ sao?

Vua Ba Tư Nặc liền đứng phắt dậy dòm nhìn nhác tóc râu đều dựng ngược, mặt biến sắc nói nhanh:

- Con sẽ huy động quân sĩ giết hắn ngay lập tức để trừ hậu họa cho cư dân Kiền Tát La.

- Nhưng nếu Angulimala cạo bỏ râu tóc xuất gia làm tỳ kheo, thì đại vương sẽ đối xử với y như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Nếu đó là một chuyện có thật thì con sẽ đầu thành đánh lễ dâng điều ngự hy hữu của muôn loài. Nhưng con không tin rằng tên mất dạy ác ôn đó lại có thể thay tâm đổi tánh cho được.

Đức Phật mỉm cười, đưa tay chỉ một sa môn trẻ tuổi, hình dung tuấn tú, uy nghiêm đang ngồi trầm tư trên một tảng đá gần hương thất bảo:

- Này đại vương! Vị tỳ kheo có dáng điệu từ hòa kia trước đây ba ngày được dân chúng gọi là hung thần rừng Jalini.

Vua Ba Tư Nặc giật mình kinh ngạc hồi lâu mới nói:

- Bạch Thế Tôn! Nếu những lời nói trên không được thốt ra từ kim khẩu của Thế Tôn thì con không thể nào tin được. Bạch Thế Tôn! Con muốn được diện kiến cùng tôn giả ấy.

- Đại vương cứ tự tiện.

Vua Ba Tư Nặc bèn rời chỗ ngồi, e dè đến chỗ tôn giả Angulimala đang rồi vái chào và hỏi:

- Thưa tôn giả, ngài tên là gì?

- Thưa đại vương, tên của tôi là Vô Hại, nhưng vì một ác nghiệp trước ngày xuất gia nên mọi người đều gọi tôi là Angulimala, nghĩa là “Chuỗi ngón tay.”

- Thưa tôn giả, trước đây một tuần, ngài ở đâu và làm gì?

- Tôi đại dương, tôi trú ngụ tại rừng Jalini và làm tên hung thần ở vùng ấy.

- Bạch đại đức, thật là hy hữu! Thật là kỳ diệu. Xin đại đức cho phép trẫm được cúng dường y bát và ngọc cụ.

- Thưa đại vương! Các bạn đồng phạm hạnh đã cho tôi đầy đủ mọi thứ cần dùng...

Và đại vương Ba Tư Nặc sau khi đánh lễ đấng đạo sư tán thán và cáo từ ra về, lòng nhẹ nhõm như một phiến mây.

Tỳ kheo Angulimala tuy đã xuất gia và được dâng đạo sư ân cần khai thị nhưng lòng thầy luôn luôn bị xao động. Lúc nào và ở đâu, thầy cũng nghe văng vẳng tiếng than khóc cùng rên la của các nạn nhân bị chính thầy sát hại đạo trước. Trên đường đi khát thực dân chúng thường nhìn thầy với đôi mắt thù hận lẫn sợ hãi. Tuy đã có lệnh bảo hộ của vua Ba Tư Nặc, nhưng cũng rất nhiều khi, thầy trở về tinh xá với y bát tả toí, thương tích đầy mình, thầy vẫn im lặng chịu đựng không hề kêu van hay lẩn trốn.

Ngày kia, lúc đi thọ bát tôn giả Angulimala gặp một thiếu phụ đang lâm bồn. Gặp sản phụ nằm rên siết bên đường, động lòng bi mẫn, thầy trở về bạch đức đạo sư, xem có cách gì cứu giúp nạn nhân không? Phật dạy:

- Con hãy đến gặp người thiếu phụ ấy và chúc lành cho nàng như thế này:

- Thưa chị, từ ngày sinh ra đến nay, tôi chưa hề cố ý tiêu diệt đời sống một sinh vật nào. Do lời nói chân thật này, ước mong chị được mẹ tròn con vuông.

Tỳ kheo Angulimala bô rôi:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao con dám thốt ra câu ấy... khi con là “chuỗi ngón tay”?

- Đây tỳ kheo, từ ngày sinh ra cho đến nay có nghĩa là từ khi con xuất gia, sanh vào thánh tộc vâng giữ đời phạm hạnh.

Thầy tỳ kheo trẻ tuổi liền hoan hỷ hồi hả ra đi. Người thiếu phụ vẫn còn nằm rên siết bên vệ đường. Tôn giả Angulimala liền gởi lời chúc lành đến cho nàng sau một bức màn trúc. Kỳ diệu thay, một chú bé kháu khỉnh liền chào đời trong sự vui mừng của tất cả mọi người hiện diện... Từ ngày đó các bạn đồng phạm hạnh gọi thầy Angulimala là Paritta có nghĩa là “chúc lành.”

Và cũng kể từ ngày hôm ấy, tôn giả Paritta thêm vững niềm tin, tinh cần tu tập, chẳng bao lâu thầy đắc quả A La Hán. Câu chúc lành của thầy gởi đến người thiếu phụ lâm bồn đạo nọ được xem như một bài kệ cầu an và được lưu truyền làm mọi người đều kinh ngạc. Người ta muốn biết rằng tại sao một con người hung bạo, đầy dẫy nghiệp chướng như thế mà lại có thể đạt đến A La Hán quả, một quả vị mà các

bạc hiện nhân đầy phúc báu như tôn giả A Nan vẫn chưa chứng đắc.

Đề giải đáp, đức đạo sư đã dạy:

- Trên thế gian này, mọi người đều bình đẳng với nhau ở khổ đau cũng như giác ngộ. Thầy Angulimala trước kia là người hung bạo, đầy dẫy nghiệp chướng như thế, nhưng về sau thầy đã tinh cần miên mật phát huy trí huệ sẵn có của thầy, đánh bật hết ác nghiệp, giống như vàng trắng lộ dạng ra khỏi mây mù, chiếu sáng thế gian. Lời dạy của đấng đạo sư đã được kết tập thành câu pháp cú 173 lưu truyền cho đến ngày nay. Cũng như trong kinh Pháp cú câu thứ 422 đã ghi lại lời khen ngợi của đấng đạo sư khi ngài đề cập đến đức vô úy lòng khiêm tốn của tỳ kheo Angulimala tức là La Hán Paritta:

“Người vô úy, cao thượng như một bậc đại thánh, người đã tự khắc phục không còn dục vọng, người đã rửa sạch mọi nhiễm ô, đã giác ngộ, người ấy Như Lai gọi là Bà La Môn.”

Danh từ Bà La Môn trên được người Ấn Độ dành để gọi những kẻ thuộc giai cấp cao sang quyền quý nhất trong xã hội loài người.



Luống cải chân đời

*Vác cuốc xuống chân đời
Nắng mai hồng đôi môi
Nghiêng vai hờn tuổi trẻ
Máu đỏ rợn bên trời*

*Sức yếu lòng đất cứng
Sinh nhai túi nhục nhiều
Thân gầy tay cuốc nặng
Mắt lệ nóng tình yêu*

*Thầy tóc trắng bơ vơ
Con mắt xanh đợi chờ
Đèn khuya cùng lẻ bóng
Khúc ruột rời đường tơ
Tuổi Thầy trông cánh hạc*

*Cánh hạc vẫn chốc mộng
Mắt con mờ ráng đỏ
Ráng đỏ lệ lưng trông
Chân đời xanh luống cải
Đời ta xanh viễn phương
Sống chết một câu hỏi
Sinh nhai lỡ độ đường.*

Tuệ Sỹ

Nha Trang 1975

Lễ Vu Lan và Xá tội vong nhân có phải là một?

Khang Nhi

Tháng 7 âm lịch thường được dân gian gọi là tháng cô hồn. Trong tháng 7 âm lịch còn có lễ Vu Lan báo hiếu và Xá tội vong nhân là những lễ được nhiều người nhắc đến

Tuy nhiên, không phải ai cũng biết vì sao tháng 7 âm lịch lại được gọi là tháng cô hồn. Thậm chí, nhiều người còn đặt câu hỏi: Liệu lễ Vu Lan và Xá tội vong nhân có phải là một? Chúng tôi xin giới thiệu với độc giả một số quan điểm về ý nghĩa của lễ Vu Lan và Xá tội vong nhân.

Vì sao tháng 7 âm lịch lại được gọi là tháng cô hồn?

Tên gọi tháng cô hồn được bắt nguồn từ Đạo Giáo của người Trung Quốc. Họ quan niệm rằng: Bắt đầu từ 2/7 âm lịch thì Diêm Vương sẽ bắt đầu mở quỷ môn quan cho quỷ đói được quay về dương gian. Và cánh cửa sẽ đóng lại vào giữa đêm ngày 14/7 âm lịch. Cũng vì thế mà mọi người trên dương thế cần cúng cháo, gạo,... Để quỷ đói không quấy phá đời sống của mình cũng như những người thân trong nhà.

Còn ở Việt Nam chúng ta quan niệm rằng, mỗi chúng ta sẽ có phần thể xác và phần hồn. Mọi người khi chết đi nhưng phần hồn không thể đầu thai, sẽ hóa thành quỷ ở dưới âm Ty Địa Ngục. Hàng năm, cứ vào tháng 7 âm lịch thì những con quỷ này lại quay về dương thế kiếm tìm đồ ăn để mong được đầu thai chuyển kiếp. Và suốt tháng 7, mọi đồ đạc như: Áo quần, xe cộ,... Đều kỵ không nên mua, kéo sẽ bị ma quỷ quấy phá, hoặc có mua thì chỉ mua cho người âm.

Ý nghĩa của lễ Vu Lan

Lễ Vu Lan hay còn gọi là lễ báo hiếu có nguồn gốc từ Đạo Phật Bắc Tông (Đại thừa), là một ngày lễ chính của Bắc Tông. Câu chuyện nguồn gốc ra đời của ngày này liên quan đến sự tích về đại đức Mục Kiền Liên (đệ tử của Phật Thích Ca) với lòng đại hiếu đã cứu mẹ mình ra khỏi kiếp nạn quỷ.

Từ đó, Vu Lan là ngày lễ hàng năm để tưởng nhớ công ơn cha mẹ (và tổ tiên nói chung) - cha mẹ của kiếp này và của các kiếp trước.

Qua hàng nghìn năm, Vu Lan báo hiếu luôn là một trong những ngày lễ có sức sống văn hóa mãnh liệt nhất trong đời sống tinh thần của mỗi người dân Việt Nam, để tưởng nhớ công ơn cha mẹ và tổ tiên nói chung, nhắc nhở mỗi người biết trân trọng những gì mình đang có, nhắc nhở bản phận làm con phải luôn nhớ đến công ơn sinh dưỡng của cha mẹ mà làm những việc hiếu nghĩa để thể hiện tình cảm, lòng biết ơn.

Ngày nay, lễ Vu Lan không đơn thuần chỉ có ý nghĩa tôn giáo thiêng liêng mà đã trở thành “lễ hội văn hóa tình người”. Pháp hội Vu Lan còn có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc, hướng mỗi người trở về với cội nguồn dân tộc, về với đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” với tiên tổ. Tinh thần đạo hiếu cần được đề cao, biểu dương mạnh mẽ hơn để truyền thống đó luôn được bồi đắp, ngày càng trở thành sức mạnh văn hóa của dân tộc hôm nay và mãi mãi về sau.

Lễ Vu Lan chính là dịp để con cháu trong gia đình thể hiện lòng thành kính, hiếu thảo,

đền đáp lại công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ, ông bà và thể hiện lòng thành với tổ tiên. Đây là ngày lễ đặc biệt, nhằm phát huy truyền thống tốt đẹp “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam.

Lễ Vu Lan cũng kêu gọi ý thức xã hội về tinh thần đền ơn đáp nghĩa của Đức Phật, khuyến khích con người đền ơn 4 nguồn ân đức gồm tri ân, đền ơn cha mẹ đã sinh thành; tri ân những người thầy cô đã dạy dỗ, truyền đạt kiến thức; tri ân các bậc tiền bối đã hi sinh xây dựng đất nước mang lại cuộc sống ấm no, chủ quyền cho dân tộc và cuối cùng là tri ân chính đồng loại.

Ở Việt Nam, ngày lễ Vu Lan còn có nghi thức bông hồng cài áo. Nghi thức này do thiền sư Thích Nhất Hạnh khởi xướng vào năm 1962, những ai may mắn còn cha mẹ sẽ cài bông hoa đỏ và những ai không còn cha mẹ bên mình thì cài bông hồng trắng. Bông hồng cài trên ngực áo vào ngày lễ Vu Lan thể hiện những tình cảm tốt đẹp, thiêng liêng, cao quý nhất, khiến cho mỗi người may mắn còn cha mẹ sẽ càng thêm yêu mến, kính trọng cha mẹ mình...

Ý nghĩa của lễ Xá tội vong nhân

Theo quan niệm của dân gian, trong khi lễ Vu Lan đề cao sự báo hiếu thì lễ Xá tội vong nhân lại đề cao sự ban phước cho các cô hồn chưa được siêu thoát còn lang vãng trên trần gian.

Theo tín ngưỡng dân gian, ngày 15/7 âm lịch là ngày "mở cửa địa ngục", các cô hồn được xá tội, thoát về dương thế, vất vương khắp nhân gian. Vì vậy, mọi người đều cúng chúng sinh bằng cháo loãng, gạo, bỏng, muối... để bố thí cho các cô hồn không nơi nương tựa và mong ước họ được siêu sinh.

Tích khác nói rằng, tôn giả A Nan Đà (Đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni) khi đang ngồi trong tịnh thất thì có một con quỷ miệng lửa (diêm khẩu) hiện lên báo rằng 3 ngày nữa ông sẽ chết và hóa thành quỷ đói. Cách duy nhất để cứu sống đó là cúng cho quỷ đói thức ăn để ông được tăng thêm tuổi thọ. Ngài A Nan Đà đã áp dụng bài chú được Phật Thích Ca Mâu Ni truyền cho để đem tụng trong lễ cúng cô hồn, nạp quỷ và được thêm phước.

Không chỉ nằm trong tín ngưỡng của các nước phương Đông, các nước phương Tây cũng có cho mình ngày Xá tội vong nhân tương tự đó chính là Halloween hay còn được biết đến rộng rãi là ngày hội hóa trang ma quỷ. Câu chuyện hóa trang thành ma quỷ thật ra chỉ là hoạt động do người đời sau thêm thắt vào; còn về bản chất nguyên thủy, Halloween vốn có rất nhiều nét tương đồng với ngày Xá tội vong nhân.

Riêng ở Việt Nam, người dân thường tổ chức cả hai lễ ấy vào cùng ngày rằm tháng 7. Chỉ có điều, theo một số tài liệu, người phía Bắc thường trọng lễ Xá tội vong nhân còn miền Trung và miền Nam lại đề cao lễ Vu Lan báo hiếu.



Ý nghĩa lễ Vu Lan thắng hội

Nguyễn Bình

Cổ nhân đã dạy: “Mộc hữu bản, thủy hữu nguyên, nhơn sanh do Tổ do Tông”. Nghĩa là: cây có gốc, nước có nguồn, con người có Tổ có Tông. Uống nước mà không nhớ nguồn; ăn trái mà không nhớ kẻ trồng cây, con cháu mà không nhớ tới Ông Bà, Tổ Tiên thì sao cho phải đạo làm người?

Kinh sách Phật giáo cũng đã ghi chép nhiều về việc cầu siêu như trong kinh Đại Bát Niết Bàn, Kinh Vu Lan... hay chuyện Đức Mục Kiền Liên cứu mẹ, v.v... Do đó mà lễ truy tiến Tiên linh cũng không kém phần quan trọng, danh từ nhân gian thường gọi là “Hiệp Tế “. Mục đích là để nhờ thần lực chư Tăng, công đức cúng dường, bố thí thay cho Tiên linh, đặc biệt là nhắc nhở, hướng dẫn hương linh tu tập như khoa nghi đã soạn sẵn để giúp hương linh thoát khỏi cảnh phiền não cũng như làm cho người còn sống an tâm một phần nào đối với người đã khuất , và xứng đáng là một người Phật tử trong nhiệm vụ thượng cúng dường hạ bố thí.

1. Ý NGHĨA CHỮ VU LAN BỒN:

Vu Lan Bồn là tiếng phiên âm từ chữ Sanscrit llambhana qua chữ Trung hoa là Ôlambàna (theo Từ Hải). Về sau lại phiên

âm thành Vu Lan Bồn. Vu thay cho Ô, Lan thay cho chữ Lam và Bồn thay cho chữ Bà + n (a). Vu Lan Bồn là tiếng phiên âm từ chữ Phạn nên không có nghĩa riêng từng chữ một trong Hán tự, mặc dù mỗi chữ phiên âm đều trùng âm một chữ Hán. Nghĩa chính của chữ “Vu Lan Bồn” là “Giải thoát khỏi sự khốn khổ tột cùng” (theo các nhà Phật học và Phạn học). Do đó Lễ Vu Lan, là một nghi lễ để giải thoát khỏi sự khốn khổ vô cùng chứ hoàn toàn không có nghĩa là “Cứu nạn treo ngược” như đã hiểu lầm từ xưa đến nay.

2. NGUỒN GỐC LỄ VU LAN:

Phật tử chúng ta ai cũng biết trong Kinh Vu Lan kể rằng Đức Mục Kiền Liên khi vừa đắc lục thông, vì lòng hiếu hạnh muốn cứu cha mẹ để đền đáp ân sinh thành dưỡng dục, nên đã dùng thiên nhãn tìm mẹ khắp trong các nẻo luân hồi và đã thấy mẹ sinh vào trong đường Nga Quý, không có đồ ăn, đồ uống chỉ có da bọc xương. Ngài rất đau xót, lấy bát đựng cơm đem xuống cho mẹ, khi mẹ nhận được, tức thì Bà dùng tay trái che bát cơm và tay phải bốc cơm ăn. Nhưng cơm chưa đến trong miệng đã biến thành than; lửa nên không thể ăn được. Ngài kêu lên và khóc than thảm thiết, tức tốc chạy về bạch

lên Đức Phật cảnh tượng ấy và những gì đã xảy ra thật rõ ràng. Đây là duyên khởi của Kinh Vu Lan. Đoạn này đã chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng thần thông không chống nổi nghiệp lực.

3. LÀM THỂ NÀO ĐỂ GIẢI ĐƯỢC NGHIỆP LỰC?

Phật dạy Đức Mục Kiền Liên: “Thân Mẫu Tôn giả gốc rễ tội chướng kết quả quá sâu, không phải năng lực một mình Tôn giả có thể giải cứu được. Dầu cho Tôn giả hiểu thảo khóc than vang động trời đất, nhưng mà những vị Thiên Thần, Địa Kỳ, Tà ma ngoại đạo, các vị Đạo sĩ và bốn Thiên Vương cũng đều không thể làm gì được. Phải nhờ uy lực của Thập phương Tăng mới được siêu thoát. Hôm nay Như Lai chỉ dạy Tôn giả cách thức cứu vớt, để cho hết thấy những kẻ khốn khổ cùng được siêu thoát.” Theo như lời Phật dạy, chúng ta thấy rõ không có một sức mạnh nào địch nổi nghiệp lực ngoại trừ uy lực của Thập phương Tăng mà thôi.

Thập phương Tăng là những vị Tỳ kheo ở khắp mọi nơi, khi họ hiện diện tại một chỗ dù thời gian lâu hay mau, vĩnh viễn hay tạm thời, với số lượng bốn (4) vị trở lên đều gọi là Thập phương Tăng. Vì các vị này có đủ công đức của Tăng chúng là giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến nên uy lực của các vị ấy đủ phẩm lượng để cứu khổ,

diệt được nghiệp và nghiệp báo nên mới giải được nghiệp lực. Uy lực này là Thắng Pháp Vu Lan.

4. CÚNG VU LAN NHƯ THỂ NÀO LÀ ĐÚNG PHÁP VÀ CÓ HIỆU QUẢ?

Phật dạy Đức Mục Kiền Liên: “Đại Mục Kiền Liên, Thập phương Tăng chúng lấy rằm tháng bảy làm ngày TỰ TỬ. Ngày ấy các người hãy vì tất cả cha mẹ bảy đời, cha mẹ hiện tại, những kẻ đang ở trong vòng khổ nạn, mà sắm trai soạn đủ hết mùi vị, các thứ trái, củ, thau chậu múc, rưới nước, hương dầu đèn nến, giường có đồ nằm, đem đồ ngon nhất để hiến cúng Thập phương Đại Đức Tăng chúng.” Tại sao lại cúng dường chư Tăng vào ngày Tự Tử vì ngày ấy vị Tỳ kheo được thêm một tuổi đạo nên còn gọi là ngày Thọ tuệ, sau 90 ngày an cư kiết hạ, thân tâm sẽ thanh tịnh, thiên định giải thoát có thể đạt được. Cũng chính trong ngày này các Hiền Thánh Tăng, hoặc tu thiên định trong rừng núi, hoặc đã thành tựu bốn thứ đạo quả hoặc thường kinh hành dưới gốc đại thọ, hoặc Thanh Văn, Duyên Giác đủ sáu thần thông, hoặc chính những vị Bồ Tát đã hóa hiện tướng Tỳ kheo đều qui tụ trong Tăng chúng, nên đạo đức của Tăng chúng ấy sâu rộng, mệnh mông có đủ khả năng giải nghiệp lực của cha mẹ hiện tại và bảy đời cha mẹ. Cha Mẹ bảy đời không phải là Ông Cha bảy thế hệ, mà là cha mẹ bảy đời kiếp

đã qua của mình. Số 7 ở đây ý nói là hoàn toàn như người Việt Nam chúng ta thường nói mười phân vẹn mười, chứ không phải là một định số. Lời dạy trên đây của Đức Phật không phải dạy riêng cho Ngài Mục Kiền Liên để cứu một mình Mẹ Ngài, cũng chẳng phải để cứu riêng cho một loài Nga Quỷ, mà là dạy cho tất cả Phật tử để biết cách cứu độ tất cả cha mẹ ở mọi nơi thống khổ. Đó là Thắng Pháp Vu Lan trong ngày TỰ TỬ tức rằm tháng bảy.

5. NHỮNG VÙNG KHÔNG CÓ CHƯ TĂNG PHẢI CÚNG LỄ VU LAN NHƯ THẾ NÀO?

Đây là một vấn đề thực tế đã xảy ra trên những mảnh đất tạm dung của người Phật tử Việt Nam. Theo Kinh Vu Lan, Phật tử chúng ta phải cúng dường phẩm vật lên chư Tăng trong ngày Lễ Tự Tử. Trước khi chư Tăng thọ dụng phải đặt mọi thứ trai soạn trước án thờ Phật tại chỗ trai tăng hay trong chùa, tháp để cúng dường lên chư Phật, chú nguyện cho trai gia, rồi mới thọ thực theo đúng như nghi thức đang áp dụng.

Vậy xét theo ý kinh, ở những nơi không có điều kiện như Kiết hạ, lễ Tự Tử, hoặc Thập Phương Tăng vân tập, thiết nghĩ Phật tử chúng ta cũng có thể phụng hành thắng pháp Vu lan bằng cách sắm sửa trai phẩm và tứ sự cúng dường để hiến cúng lên Thập Phương

Chư Phật, Thánh Hiền Tăng và vị Thầy hay Sư Cô mà chúng ta đã cung thỉnh được trong ngày lễ (tức phàm phu tăng). Ngoài Hiền Thánh Tăng, thành phần chính của Tăng chúng vẫn là Phàm phu Tăng, chứ không thể không có vì “nhà Cồ Đàm rất rộng”, dung được cả những kẻ hý lộng Ngài. Phàm phu Tăng có hai hạng: hạng có giới luật và hạng chỉ có hình thức. Trong Thập Luận Kinh đã dạy rằng: “Đừng khinh khi hủy nhục những người xuất gia, vì lễ đầu cao, y mang, chính là biểu tượng của Hiền Thánh Tăng, dấu phá giới cho đến không giới, trong giới luật của Phật họ chỉ là thầy chết, chết rồi đọa ác đạo đi nữa, cũng vẫn làm được ruộng phước cho cả trời, người (nhân, thiên), ở chỗ vì có hình thức của Hiền Thánh Tăng nên làm cho nhân thiên nhìn vào mà sinh nhiều cảm nghĩ thù thắng, lại có thể tuyên thuyết diệu pháp cho nhân thiên, bản thân cũng có chánh nguyện, và phạm tội thì biết sám hối. Hạng phàm phu Tăng này thật ra không phải là thành phần của Tăng chúng, nhưng là cái thế lực thừa của giới xuất gia, là cái sức kính tin Tam Bảo và Thánh giới. (Kinh Vu Lan Hòa Thượng Thích Trí Quang dịch và giải 1984)

Trường hợp không cung thỉnh được một vị Tăng, Ni nào cả thì chúng ta cúng dường lên mười phương Chư Phật và chư Hiền Thánh Tăng với tấm lòng thành; nguyện cầu chư Phật, chư Hiền Thánh Tăng gia hộ cho “Hiện Tại Phụ Mẫu đã quá vắng thoát thống

khở ở trong ba đường – thoát được tức thì, cơm áo tự nhiên; Cha Mẹ bà con đang còn sống thì hưởng phước lạc, sống lâu trăm tuổi. Cha Mẹ bảy đời quá khứ sanh lên chư Thiên, tự tại hóa sanh trong thiên giới hoa lệ chói sáng.”

Tóm lại, dù rằng Phật tử chúng ta thiếu may mắn phải sinh sống những nơi không có đủ điều kiện để phụng hành Thắng Pháp Vu Lan như Kinh đã dạy.

Nhưng chúng ta có thể dựa trên lý của kinh để gieo hạt lúa đức của chúng ta vào đám ruộng phước vừa để đền đáp phần nào công ơn sanh thành dưỡng dục của Cha Mẹ vừa vun xới thêm duyên tốt cho hạt giống thiện của chúng ta sớm nảy mầm và tăng trưởng.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát.

Nguyễn Bình

Vì sao tháng 7 âm lịch được gọi là tháng cô hồn?

HP (tổng hợp)

Dân gian Việt Nam vẫn gọi tháng 7 âm lịch hàng năm là tháng cô hồn. Vậy tháng cô hồn là gì? Nguồn gốc tháng cô hồn thế nào? Hãy cùng tìm hiểu trong bài viết dưới đây.

Tháng 7 âm lịch hàng năm còn được gọi là tháng cô hồn hoặc “mở cửa ma”. Dân gian quan niệm đây là tháng của ma quỷ, đặc biệt là ngày rằm tháng bảy là ngày “xả tội vong



nhân” – ngày Diêm Vương mở cửa Quỷ Môn Quan để ma quỷ được tự do trở về dương thế, đó cũng chính là ngày “âm khí xung thiên”.

Nguồn gốc của tháng cô hồn theo dân gian là gắn liền với văn hóa Đạo giáo của Trung Quốc.

Câu chuyện vẫn được lưu truyền đến ngày nay là vào ngày 2/7 âm lịch, Diêm Vương cho mở cửa Quỷ môn quan để quỷ đói được trở lại trần gian rồi đến rằm lại quay về. Chính vì thế mà theo tục lệ dân gian, người trần gian phải cúng cháo, gạo, muối cho quỷ đói để chúng không quấy nhiễu cuộc sống thường ngày.

Có những nơi, người ta gọi quỷ đói là “anh em tốt”, “thần cửa sau” để lấy lòng những linh hồn quỷ đói này. Hàng năm, người dân Trung Quốc tiên hành cúng cô hồn vào ngày 14/7 âm lịch.

Dù vậy, nhiều chuyên gia khẳng định, nguồn gốc của tháng cô hồn không hẳn là bắt nguồn từ Trung Quốc. Các nền văn hóa ở khác như Ấn Độ, Campuchia hay Nhật Bản đều có chung niềm tin về tháng 7 âm lịch, và những truyền thống này có thể xuất hiện trước cả đạo Phật. Một truyền thuyết dân gian kể rằng, vua Yama (người cai trị địa ngục) mở công địa ngục và cho phép một số hồn ma đến hưởng lễ cúng tế ở trần thế.

Tờ YahooLife giải nghĩa, tháng cô hồn là sự kết hợp văn hóa từ Đạo giáo và Phật giáo. Ở các nơi với tín ngưỡng khác nhau, người dân cũng có những tập tục, cách thờ cúng khác biệt.

Trong khi quan điểm của Đạo giáo tập trung

vào việc xoa dịu các linh hồn lang thang thì với văn hóa Phật giáo, người dân nghiêng về bày tỏ lòng hiếu thảo và tưởng nhớ tổ tiên.

Ở Việt Nam, cúng cô hồn là một tín ngưỡng tâm linh truyền thống của người Việt, được truyền từ đời này sang đời khác. Người Việt cho rằng, con người bao gồm hai phần là hồn và xác. Khi con người mất đi nhưng phần hồn vẫn tồn tại, có người thì được đầu thai kiếp khác hay có người thì bị đẩy xuống địa ngục, làm quỷ đói quấy nhiễu dương gian.

Hàng năm, người Việt cúng cô hồn kéo dài một tháng, tùy thuộc vào từng gia đình, từng vùng miền khác nhau. Thông thường, người Việt thường cúng cô hồn vào ngày mùng 2, 15, 16 tháng 7 âm lịch, một số nơi cúng sớm hơn hoặc trễ hơn nhưng đều cúng vào buổi chiều tối.

Dân gian cho rằng tháng 7 âm lịch, âm khí dưới đất bốc mạnh lên cao và tự suy luận rằng đó là vong hồn người đã khuất. Do vậy mà dân gian quan niệm tháng 7 âm lịch là ngày mở cửa địa ngục, các linh hồn sẽ từ đó thoát ra ngoài.

Người dân cũng quan niệm rằng, tháng cô hồn là tháng ma quỷ, không đem lại may mắn nên hầu hết các công việc cưới hỏi, khởi công xây dựng, mua sắm, đi xa,... đều tránh tháng 7 âm lịch.



Phát quà từ thiện để quay TikTok 'làm màu'

Trúc Nguyễn

Tôi chứng kiến nhóm bạn trẻ đi phát quà từ thiện, điện thoại dùng quay video là thả phát em bé xuống đất, hoặc lấy lại quà.

Thời đại Internet bùng nổ, những hình ảnh cùng cách thức từ thiện cũng lan rộng ở thế giới phẳng. Càng ngày, rộ lên càng nhiều những bạn trẻ quay lại những video đi phát quà bánh cho người khó khăn. Hoặc đơn giản là quay lại một hoàn cảnh nào đó cần giúp đỡ để cộng đồng mạng chung tay góp sức.

Không thể phủ nhận sức mạnh của thời kỳ 4.0, khi nó liên kết được người giúp và người cần giúp, trong một phạm vi mở rộng. Thu hút nhiều lượt xem và bình luận, các video thiện nguyện đã truyền đến năng lượng tích cực.

Phận nhận cơm từ thiện

Tôi làm công tác xóa đói giảm nghèo 10 năm và nhận ra nhu cầu được tôn trọng của người nghèo.

Trong chuỗi ngày mưu sinh mệt mỏi, không ít người chợt thấy mình đâu đó trong những video đấy. Họ bắt đầu học cách sống

chậm lại và yêu thương cuộc đời nhiều hơn. Những video làm từ thiện dần trở thành một phương tiện giáo dục con người, truyền tải thông điệp nhân ái.

Mang ý nghĩa quan trọng là vậy, ấy thế nhưng đâu đó vẫn còn những video làm từ thiện gây tranh cãi, khiến ý nghĩa tích cực của từ thiện chột trở nên... xấu xí.

Hôm trước, trong một lần đi thiện nguyện, tôi có gặp một nhóm bạn trẻ cũng đến phát quà cho mái ấm tình thương. Nơi này đang cư mang gần hai trăm trẻ cơ nhỡ, mồ côi. Việc sẽ chẳng có gì nếu như các bạn ấy không bắt các em nhỏ đứng chờ ở ngoài sân rất lâu, chỉ để các bạn quay đi quay lại một thước phim thật đẹp để làm TikTok kênh cá nhân.

Nhìn các bạn phát quà, rồi lấy lại quà, rồi lại phát, chỉ để quay những đoạn video nét nhất, tự nhiên cảm thấy rất phản cảm. Có bạn, khi quay phim thì ôm một bé mới 2-3 tuổi trên tay, vừa tắt máy là thả ngay bé xuống. Không hiểu sao, tim tôi cứ nghẹn lại. Vừa thấy thương cho các bé, vừa có phần tức giận với cách ứng xử của các bạn ấy.

Là người ngoài, tôi không rõ cụ thể công việc của các bạn. Tuy nhiên, tôi nghĩ làm điều gì cũng đều cần đặt cái tâm vào đó. Các bạn muốn có những thước phim đẹp cho công việc là không sai. Nhưng nó sai ở chỗ các bạn lợi dụng hình ảnh, tình thương, cũng như chiếm dụng thời gian của các em trong mái ấm. Nếu vì lợi ích của mình mà ảnh hưởng quyền lợi người khác, đó là điều không nên.

Để người từ thiện không bị 'sốc' thị phi

Xuất phát từ tấm lòng thiện nguyện nhưng hành động đơn phương và thiếu kỹ năng quản lý có thể khiến nhiều mạnh thường quân gặp chuyện thị phi.

Bất giác, tôi lại chợt nhớ tới những hình ảnh của năm 2021, khi người xếp hàng chờ phát gạo ở ATM bị đuổi đi vì ăn mặc tươm tất sạch sẽ; người chờ nhận hộp cơm từ thiện mùa dịch bị miệt thị không cho lãnh chỉ vì lỡ sơn móng tay. Một bữa cơm, một túi gạo,..có giá trị không nhiều, nhưng lại có ý nghĩa rất lớn với những người đang sa cơ khốn khó. Sẽ chẳng ai muốn ngửa tay xin người khác, nếu không phải họ đang rất cần, bởi thời đại bây giờ có nhiều thứ mà họ cực kì coi trọng, chẳng hạn như lòng tự tôn.

Tấm lòng nhân ái là đáng quý, thế nhưng

cách để truyền đạt nó tới người cần còn quan trọng hơn thứ vật chất bên ngoài. Trong xã hội này, chẳng ai có quyền đứng trên người khác, vì mỗi cá nhân đều bình đẳng. Từ thiện có thể là hiến tặng vật chất, có thể là năng lực hoặc trí tuệ, tinh thần...

Ai cũng đủ "giàu có" để cho đi điều gì đấy. Cho đi cũng là nhận lại. Và hãy thấy may mắn khi mình còn có cơ hội để cho đi, cũng như có người chịu "nhận" cái mình cho đi, đặc biệt là có thể tạo nhân lành cho cuộc sống xô bồ ngoài kia thêm phần tươi đẹp. Bởi nào ai biết được, trong khúc quanh nào đó ở tương lai, mình có phải là người "được nhận" "của cho" từ một ai khác.

'Tại sao giàu mà không đi làm từ thiện?'

Tôi bắt gặp rất nhiều người bình luận trên mạng: "Sao giàu mà không góp tiền làm từ thiện đi?".

Làm từ thiện cũng phải cần văn hóa: văn hóa từ thiện. Bởi lẽ hoạt động từ thiện tự thân nó đã là một hành vi văn hóa và nhân đạo. Của cho không bằng cách cho. Văn hóa cho và nhận đều cần phải học trong bài giảng "trưởng thành" của một người có đạo đức. Cái gì cũng cần học, bởi tử tế là một sự lựa chọn.

Ngày nhỏ, ba thỉnh thoảng lại bảo tôi sang nhà bà Năm hàng xóm để xin quả ớt, hoặc muỗng đường. Nhà tôi không thiếu chút đỉnh đó, nhưng ba làm thế để bà Năm không thấy ngại mỗi lần sang "vay" gạo nhà tôi; để bà Năm biết rằng bà không phải đang chịu ơn nhà tôi, mà chỉ đơn giản là hàng xóm giúp đỡ qua lại. Câu chuyện đó làm tôi nhớ mãi và hình thành trong đầu tư duy về văn hóa "cho-nhận" trong cách ứng xử với mọi người.

Trúc Nguyễn

Những điều tâm đắc trong quá trình tu học Phật pháp

Pháp sư Tịnh Không

Pháp thoại này là một trong những bài giảng thuộc loạt đề tài Làm thế nào để thay đổi hoàn cảnh xã hội do Pháp sư Tịnh Không giảng dạy vào mùa hạ năm 1997 tại Đài Bắc, được phát sóng trên truyền hình Đài Loan, Bắc Mỹ (Mỹ và Canada) và đã nhận được nhiều lời bình tốt đẹp.

Nội dung của Phật pháp thật rộng lớn. Kinh điển nhiều mênh mông như biển, biết bắt đầu học từ đâu? Cho nên, việc học Phật đối với chúng ta sẽ có hiệu quả trong thời gian ngắn khi và chỉ khi chúng ta nắm được cương lĩnh, tìm được phương hướng để đi.

Đức Phật rất từ bi. Cả cuộc đời Ngài thuyết

pháp độ sinh được kết tập thành một hệ thống, có đơn giản, có phức tạp. Ví dụ như tam học, tam tuệ tuy đơn giản nhưng ý nghĩa rất thâm sâu. Chúng ta hiểu tam học là giới - định - tuệ, tam tuệ là văn - tư - tu đó chỉ là cái hiểu biết hình thức, danh tướng mà thôi. Thực chất bên trong hình thức, danh tướng đó hàm chứa ý nghĩa rất thâm diệu, không thể hiểu biết hết được.

Do đó, chỉ nghe thôi chưa thể ứng dụng được. Cái học cũ không thể tìm ra được phương hướng để đạt đến mục đích. Chúng ta thử so sánh những điều dễ hiểu hơn như tam phước, lục hòa, lục độ, thập nguyện, những từ này dùng văn tự, thuật ngữ Phật học để giải thích cũng đã rất khó khăn, và cảnh giới trong đó cũng rất rộng lớn. Ví dụ chỉ hai chữ bố thí trong kinh *Hoa nghiêm* (chương Hồi hương), cũng đã giải thích hơn cả trăm loại rồi, thì chúng ta có thể thấy nó không phải là hai chữ đơn giản!

Tôi đem những gì mình tu học tâm đắc nhất tóm tắt thành 10 điều, gồm 20 chữ. Đây là những điều rất dễ hiểu, dễ nhớ. Năm điều đầu tiên là: Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi.

Chân thành

Tiêu chuẩn của cái tốt là gì? Đó là lòng chân thật, không lừa mình dối người. Trong xã hội hiện tại, người có thể làm được một điều này không còn nhiều, nhưng nhất định chúng ta phải làm được. Thực sự mong muốn thoát khỏi khổ đau, được sống an lạc hạnh phúc thì không còn cách nào khác ngoài việc lấy cái tâm chân thật để đối xử với mọi người, mọi loài. Sau đó mới thực sự làm việc gì, nhất cử nhất động đều không còn sợ hãi; trên đối với trời đất, dưới đối với tất cả chúng sinh lòng luôn thanh thản, khoan khoái dễ chịu, tự do tự tại.

Nếu dùng tâm lòng giả dối để đối xử với người, thì dù cho không có sám hối trước tượng Phật, bản thân mình vẫn còn có lương tâm, không ai hay biết thì cũng bị lương tâm quở trách, tâm bất an, trong giấc ngủ thường gặp ác mộng. Nỗi khổ đó từ đâu mà đến? Đó là kết quả từ cái tâm lừa dối khi đối xử với mọi người, mọi loài. Đúng là lợi bất cập hại, vậy sao chúng ta không dùng tâm chân thành để đối đãi với nhau?

Thanh tịnh

Thứ hai là phải tu tâm thanh tịnh. Các bạn nên biết, môi trường sinh thái tự nhiên của trái đất của chúng ta đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, các nhà khoa học đã đưa ra lời cảnh cáo, nếu tình trạng ô nhiễm này không lập tức dừng lại, thì trong vòng 50 năm nữa trái đất không còn là nơi thích hợp cho loài người sinh tồn. Lời cảnh cáo nghiêm trọng này có căn cứ khoa học rõ ràng.

Vì sao ngày nay việc bảo vệ, phòng chống ô nhiễm không có hiệu quả? Người đời chỉ nhìn thấy bên ngoài, kỳ thật sự ô nhiễm bên trong tâm con người còn nghiêm trọng hơn nhiều. Tâm thức, tinh thần, tư tưởng, kiến thức đều bị ô nhiễm. Bên trong, bên ngoài đều bị ô nhiễm nghiêm trọng. Các nhà khoa học nói rằng 50 năm sau trái đất này không còn thích hợp cho loài người sinh tồn nữa, tôi nghĩ dường như khoảng thời gian đó hơi lâu!

Vì vậy, hôm nay chúng ta phải tu học và hoằng dương Chánh pháp, phải lấy tâm thanh tịnh đặt lên hàng đầu, đó là bảo vệ môi trường. Đề phòng ô nhiễm từ việc bảo vệ cái tâm của chúng ta thanh tịnh, nhất định phải học Phật pháp, nhất định phải tu giới, định, tuệ. Tâm thanh tịnh thì thân cũng thanh tịnh; thân tâm thanh tịnh thì hoàn cảnh bên ngoài cũng thanh tịnh, đó mới là bảo vệ môi

trường từ nơi gốc rễ, điều đó mới thật sự có hiệu quả. Mỗi người ai cũng quan tâm đến sức khỏe, hạnh phúc, tuổi thọ của mình, mà muốn đạt được những điều đó phải bắt đầu từ đâu? Từ tâm thanh tịnh.

Tôi có rất nhiều bạn đồng tu, ở trong nước cũng như ở nước ngoài, đặc biệt là khi tôi ở Nhật Bản, lúc nào cũng có người đến hỏi: Pháp sư, bình thường ngài dùng những vật thực gì? Ăn những chất bổ gì mà trông thân thể của ngài rất khỏe mạnh, tinh thần cũng rất tốt! Tôi trả lời với họ: Tôi có một thứ rất bổ dưỡng! Họ hỏi tôi: Là thứ gì vậy? Tôi nói: Nước máy của công ty nước máy Đài Loan! Tôi ăn cơm tùy duyên, không làm phiền người khác, người ta cho tôi thứ gì, tôi dùng thứ ấy, rất đơn giản và ăn rất ít. Tôi không ăn vặt, không ăn tất cả những thực phẩm bổ dưỡng. Những chất bổ đều có tác dụng phụ, bạn xem những người có tiền, những gia đình phú quý, muôn ngàn thứ bổ dưỡng nhưng cũng không ít bệnh.

Vậy thứ gì bổ nhất, dinh dưỡng nhất? Đó là tâm thanh tịnh! Tâm không có phiền não, không phân biệt, không lo nghĩ ưu tư, không bận tâm, đó là hạnh phúc nhất! Cái đó gọi là người gặp việc vui tinh thần trong sáng, niềm vui này là từ trong tâm thức tỏa ra. Còn niềm vui của người đời là từ sự tìm kiếm khoái lạc, tìm kiếm sự kích thích. Tìm kiếm kích thích từ những hơi thuốc phiện là một dạng độc tố, đó là một thứ niềm vui, khoái lạc không chân chính. Niềm vui chân chính là từ miền tâm thức thanh tịnh tỏa ra, đó mới là hạnh phúc chân thật.

Cho nên trong nhà Phật thường tu tập thiền định, người có định lực thâm hậu thì lấy niềm vui thiền định làm thức ăn (thiền duyệt vi thực). Thức ăn ở đây chỉ là tỷ dụ, nhưng đúng là nguồn dinh dưỡng thiền duyệt chính là nguồn dinh dưỡng tốt nhất. Thiền duyệt chính là niềm vui từ tâm thức thanh tịnh tỏa

ra, nhà Phật gọi đó là niềm vui sống đầy đủ với pháp (pháp hỷ sung mãn). Bạn có thể đạt được pháp hỷ, đó chính là niềm vui giúp cho cơ thể khỏe mạnh, tuổi thọ tăng cao.

Bình đẳng

Thứ ba là tâm bình đẳng. Đối với bản thân phải thanh tịnh, đối với mọi người phải bình đẳng, không có phân biệt cao thấp. Không xem trọng người giàu sang, phú quý, chẳng khinh thường những người nghèo hèn, khó cực. Phải dùng tâm bình đẳng để đối xử với mọi người, mọi loài. Luôn lấy tâm giác ngộ để đối đãi với tất cả mọi sự. Dùng tâm đại từ bi để quan tâm, lo lắng, chiếu cố, giúp đỡ hết thảy chúng sinh. Xem người khác với bản thân mình là một, người ta cần sự giúp đỡ, chúng ta phải toàn tâm toàn lực để giúp họ.

Chính giác

Chính giác là trí tuệ, là trí tuệ Bát-nhã vốn có đầy đủ trong chân tâm của mỗi chúng sinh, không phải thứ trí tuệ từ bên ngoài mà có. Chỉ cần giữ tâm thanh tịnh bình đẳng thì trí tuệ tự nhiên phát sinh. Nói cách khác, một khi tâm thanh tịnh bình đẳng thì chính là tác dụng của trí tuệ: vạn sự vạn vật, quá khứ, tương lai đều hiểu biết tường tận, không thể nghĩ bàn.

Người đời cho rằng thần thông biến hóa là chuyện phi thường không thể có, nhưng kỳ thật đó là khả năng sẵn có (chân tâm) của con người, khắp cùng thế giới này cho đến cả những hành tinh khác, không chỗ nào là không thấy không nghe được, sáu giác quan của chúng ta đều có thể tiếp xúc một cách trọn vẹn.

Ngày nay khả năng của chúng ta đã mất, cho nên xem thấy khôi phục một ít đã cảm thấy thần thông rộng lớn không thể nghĩ bàn, mà

không biết rằng đó là khả năng của mình. Vì sao khả năng của chúng ta bị mất? Vì tâm bị ô nhiễm và tâm khởi niệm phân biệt. Đức Phật nói rằng tất cả chúng sinh đều do vọng tưởng phân biệt và cố chấp nên không thể khôi phục. Nếu có thể dập tắt lòng vọng tưởng, phân biệt và cố chấp thì chân tâm có thể hiện bày.

Từ bi

Tâm từ bi là đối đãi với tất cả mọi chúng sinh bằng tình thương chân thật. Từ bi chính là lòng thương yêu. Vì tất cả chúng sinh, toàn tâm toàn lực thương yêu, giúp đỡ, đùm bọc mà không có bất kỳ một điều kiện nào, tất cả đều bình đẳng, đó chính là tấm lòng đại từ đại bi.

Năm điều tiếp theo là: Nhìn sâu, buông xả, tự tại, tùy duyên, niệm Phật.

Nhìn sâu – Buông xả

Nhìn sâu chính là học hỏi, buông xả chính là công phu. Cái gọi là nhìn sâu đó là đối với chân tướng của vũ trụ, nhân sinh mà nói. Vũ trụ là hoàn cảnh thế giới mà chúng ta đang sống, từ chiếc áo mặc trên thân thể cho đến vũ trụ vạn hữu vô cùng đều là hoàn cảnh sống của chúng ta, không gian sinh hoạt của chúng ta. Nhân sinh chính là con người.

Nói một cách khác, chúng ta nhận thức bản thân mình và nhận thức hoàn cảnh mà bản thân mình đang sống, biết mối quan hệ giữa ta với người khác, với vạn vật, với môi trường tự nhiên, với trời đất và cả với quỷ thần nữa. Phải nhìn được một cách rõ ràng, minh bạch, như vậy mới có thể buông xả thực sự. Buông xả cái gì? Buông xả tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não, ưu tư, bận tâm. Buông xả tất cả mới có thể thực hiện thanh tịnh, bình đẳng, chính giác một cách chân chính được. Nếu như

bạn vẫn còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì tâm của bạn làm sao thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ được?

Do đó, tâm tốt là chân tâm của chúng ta, nhà Phật gọi là chân như, bản tánh, cái đó ai cũng có. Nhưng tâm tốt vì sao không hiển hiện? Là vì do nghiệp chướng, cái nghiệp nó chướng ngại chân tâm. Làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chướng? Phải nhìn sâu, buông xả! Bốn chữ này là trí tuệ chân thật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp trong 49 năm thì đã dùng hết 22 năm để giảng *Bát-nhã*.

Nội dung của *Bát-nhã* là gì? Chính là dạy cho chúng ta nhìn sâu và buông xả. Do đó có thể biết được rằng *Bát-nhã* là trọng tâm của Phật pháp, *Bát-nhã* là trí tuệ. Có trí tuệ chân thật và toàn diện rồi thì mọi vấn đề đều có thể nhìn thấy rõ ràng, chính xác và sau đó xử lý một cách dễ dàng. Cho nên, giáo dục Phật giáo là một nền giáo dục cao cấp và toàn diện, Phật học là một nền học vấn trí tuệ toàn diện, thế thì tại sao chúng ta không học?

Nói đến trí tuệ, Đức Phật nói rằng trí tuệ là tự tánh của tất cả chúng sinh xưa nay vốn có đầy đủ, không cần phải tìm cầu bên ngoài, chỉ cần tiêu trừ nghiệp chướng đi. Phương pháp tiêu trừ nghiệp chướng là nhìn sâu, buông xả, nhận thức được chân tướng sự vật, nhìn thấy được bản chất chân thực của sự vật hiện tượng thì nghiệp chướng tự nhiên tiêu trừ.

Nghiệp chướng là gì? Là vọng tưởng, là phân biệt, là cô chấp, là phiền não, lo lắng, sầu muộn... Hiểu rõ đây là những nghiệp chướng, các bạn nên nhớ, các bạn đi sám hối, tụng kinh... nghiệp chướng có tiêu trừ không? Lễ Phật sám hối, tụng kinh có phải là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước không?

Phiền não, lo âu, bận tâm có còn không? Nếu như bạn sám hối đúng nhất định nghiệp chướng sẽ tiêu trừ. Giả như mỗi ngày bạn chỉ làm cho có hình thức, thì những tập khí, phiền não của bạn ngày mỗi lớn mạnh, cho nên phải giác ngộ mà phản tỉnh, nếu không nghiệp chướng của bạn không những không tiêu trừ mà ngày mỗi tăng trưởng. Điều đó không thể không biết.

Tự tại - Tỳ duyên

Tóm lại, then chốt của vấn đề tu hành chính là nhìn sâu, buông xả. Nhìn sâu là thành tựu của học vấn; buông xả là thành tựu của công phu, như vậy đời sống của bạn sẽ được tự do lớn: Đại tự tại. Chúng ta ai cũng đã đọc qua *Tâm kinh Bát-nhã*. Mở đầu *Tâm kinh* là câu Quán Tự Tại Bồ-tát. Bồ-tát Quán Tự Tại chính là Bồ-tát Quán Thế Âm. Bồ-tát Quán Thế Âm vì sao gọi Ngài là tự tại? Trước hết có chữ quán. Quán chính là nhìn sâu. Quán là quán chiếu, là quan sát thật kỹ, cho nên Ngài có thể nhìn sâu. Một người có khả năng nhìn sâu nhất định sẽ buông xả, được tự do lớn, cuộc sống tỳ duyên.

Cuộc sống tỳ duyên rất tốt. Tỳ duyên nói theo ngôn ngữ hiện đại có nghĩa là phù hợp với tự nhiên. Nói một cách khác, cuộc sống của tôi là phù hợp với môi trường sinh thái tự nhiên, đó là cuộc sống kiên khương nhất. Người hiện đại không biết, không hiểu người Trung Quốc thời xưa.

Chúng ta đọc *Lễ ký*, trong sách *Nguyệt lãn* có nói về vấn đề ăn uống, đi đứng và cư trú, trong một tháng nên ăn những loại rau nào, ăn những chất gì, và mỗi tháng không giống nhau. Điều này có ý nghĩa gì? Đó là thuận theo tự nhiên vậy. Ở mùa nào thì phải ăn những vật thực sinh trưởng trong mùa ấy, điều đó giúp sức khỏe lành mạnh. Cho nên vào mùa hạ, trời nóng, phải ăn những chất có tính nhiệt, rất tốt cho sức khỏe, vì nó tương

ứng với tự nhiên; vào mùa đông phải ăn những chất có tính mát.

Các bạn thấy những rau cải trắng, cải củ đều sinh trưởng vào mùa đông, đó là những loại rau có tính mát. Những loại rau sinh trưởng vào mùa hạ thì có tính nhiệt. Người ngày nay có biết được điều này không? Mùa hạ lại ăn những chất có tính lạnh, mùa đông lại ăn những chất có tính nóng, ăn vào cơ thể liền phát bệnh. Vì sao vậy? Bởi vì không thuận với tự nhiên, trái nghịch với tự nhiên.

Người nước ngoài không biết được đã đành, mà người Trung Quốc cũng không nhớ sách xưa. Lịch sử của Trung Quốc có rất nhiều sách nói về phương pháp dưỡng thân. Cho nên chúng tôi đọc đến sách của người xưa rất khâm phục. Sinh hoạt, ăn uống, đi đứng, chỗ ở mà thuận với lẽ tự nhiên thì sức khỏe rất tốt. Phương pháp sống khỏe mạnh và trường thọ là từ đó chứ không phải từ nhu yếu thực phẩm bổ dưỡng.

Thực vật sinh trưởng theo từng mùa, chúng ta ăn đúng theo thời tiết, đó là thực phẩm bổ dưỡng nhất. Công việc của chúng ta cũng phải theo hoàn cảnh, thuận theo tự nhiên. Tâm tư của chúng ta cũng có thể thuận theo lẽ tự nhiên bốn mùa, xuân hạ thu đông, gọi là tùy duyên. Trong phẩm Hạnh nguyện, Bồ-tát Phổ Hiền có dạy: Hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức. Phải tùy duyên mới có thể đạt được niềm vui trong pháp, mới có thể thành tựu được công đức chân thật.

Niệm Phật

Sau cùng, chúng ta thâu tóm bằng pháp môn niệm Phật. Mười điều tôi giảng ở đây quý vị nhất định phải biết, mỗi một điều đều thâu nhiếp, bao hàm chín điều kia. Mười điều nhất quán thành một thể, không phải mười điều riêng biệt, tách rời nhau, trong một điều có đủ mười điều. Bạn phải hiểu như vậy, sau đây tôi giảng về niệm Phật mới hiểu được.

Thế nào gọi là niệm Phật? Ý nghĩa của chữ niệm theo cách chiết tự là: ở trên có chữ kim-hiện tại, ở dưới có chữ tâm. Như vậy có nghĩa là gì? Là cái tâm hiện tại vậy. Trong nhà Phật nói một niệm hiện tiền, cái tâm một niệm hiện tiền đó là niệm. Trong cái tâm một niệm hiện tiền này có đầy đủ: chân thành - thanh tịnh - bình đẳng - chính giác - từ bi; có cả nhìn sâu - buông xả - tự tại - tùy duyên, đó

gọi là niệm Phật. Như vậy, mười điều trên chính là Phật.

Vì sao gọi là chân thành? Bởi vì trong chân thành có thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi, cho đến nhìn sâu, buông xả, tự tại, tùy duyên, niệm Phật. Cho nên, trong một điều có đủ chín điều còn lại, kinh *Hoa nghiêm* nói: Một tức nhiều, nhiều tức một, một và nhiều không phải hai; kinh *Duy-ma* nói: Bất nhị pháp môn.

Nếu như khế nhập được cảnh giới này, bạn là người vui vẻ, hạnh phúc nhất thế gian. Nếu như bạn sinh ra trong nhà giàu có, bạn là người hạnh phúc nhất trong hàng những gia đình giàu có; nếu bạn sinh ra trong gia đình bần tiện thì bạn cũng là người hạnh phúc nhất trong hàng bần tiện; niềm vui và hạnh phúc không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, nó rất bình đẳng.

Hiện tượng phú quý, bần tiện từ đâu mà có? Từ nhân quả đã gieo trước đó. Chúng ta nhìn thấy những người có tiền, phát tài, đó là do đời trước họ đã tu hạnh bố thí tài vật, cho nên hôm nay họ được quả báo giàu sang là lẽ đương nhiên. Hôm nay tôi không được giàu có như người ta là do kiếp trước tôi không tu, không gieo nhân, cho nên đương nhiên là không có quả phước. Nhưng có lẽ tôi chỉ không tu hạnh bố thí tài vật thôi, chứ tôi có tu hạnh bố thí Phật pháp, cho nên có trí tuệ thông minh; hoặc giả tôi có tu hạnh ban bố sự không sợ hãi cho mọi loài cho nên hôm nay tôi rất khỏe mạnh và trường thọ.

Đương nhiên, Đức Phật khích lệ chúng ta gieo trồng ba nhân tố tốt là bố thí tài vật, bố thí pháp và bố thí sự không sợ hãi, thì quả phước của chúng ta sẽ trọn vẹn. Nếu như không nghe thiện tri thức giảng dạy thì làm sao chúng ta hiểu được điều này? Vì vậy, người đời không tu tập trọn vẹn, cho nên dù có đạo lý đó, nhưng không hiểu được chân tướng sự việc. Chỉ có những người hiểu biết chân chính và khế nhập được Phật pháp mới tu tập thiện nghiệp và gặt hái được quả phước tốt đẹp.

Pháp sư Tịnh Không

VỀ bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368